

Số: /BC-UBND

Bằng Mạc, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Công văn số 2216/STP-NVII, ngày 25/8/2025 của Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn về việc báo cáo tổng kết thi hành Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân xã Bằng Mạc báo cáo, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) 2014 đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Bảo đảm ổn định cuộc sống gia đình trong xã hội phát huy truyền thống phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nâng cao vai trò trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc tôn trọng và chấp hành các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Luật HNGĐ 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật ra đời đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để giải quyết các quan hệ phát sinh trong đời sống Hôn nhân và gia đình, phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật, công ước quốc tế về quyền con người.

Để triển khai thi hành đồng bộ, có hiệu quả Luật Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 (sau đây gọi chung là Luật) trên địa bàn xã, theo nội dung Kế hoạch của cấp trên. Ủy ban nhân dân xã Bằng Mạc (trên cơ sở sáp nhập 4 xã của huyện Chi Lăng cũ: Gia Lộc, Thượng Cường, Bằng Mạc, Bằng Hữu từ ngày 01/7/2025) dựa vào tình hình thực tế, bằng các hình thức phù hợp, UBND xã đã ban hành kế hoạch triển khai các nội dung cơ bản của Luật đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Kết quả thi hành Luật Hôn nhân và gia đình (từ 01/01/2015 đến 01/7/2025)

1.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và gia đình và các văn bản quy định chi tiết

Để triển khai thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và các văn bản quy định chi tiết, hàng năm, UBND xã tiến hành triển khai bằng nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến chủ yếu là mở Hội nghị và lồng ghép vào các buổi họp của UBND và của các tổ chức đoàn thể xã, các cuộc họp thôn, sinh hoạt các tổ chức

hội. Trong các năm qua UBND xã đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp, lồng ghép tập huấn nghiệp vụ về công tác hòa giải ở cơ sở, tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho cán bộ công chức và nhân dân trên địa bàn xã. Kết quả: tuyên truyền được **69 cuộc**, với hơn **1.2030 lượt người nghe**.

Thông qua các cuộc sinh hoạt chi đoàn, chi hội, tổ chức truyền thông lồng ghép cho đối tượng đoàn viên, hội viên, thanh, thiếu niên, học sinh trên địa bàn. Trưởng các đoàn thể đồng thời là các tuyên truyền viên pháp luật của xã như: Đoàn thanh niên, hội nông dân, hội Cựu chiến binh, hội Phụ nữ thường xuyên tổ chức tuyên truyền, PBGDPL theo chương trình công tác hội hàng năm tại các cuộc sinh hoạt chi hội, sơ, tổng kết hội Công tác phối hợp được tiến hành thường xuyên, đã và đang đạt được những kết quả tích cực.

1.2. Số liệu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã: 877 cặp, trong đó: Năm phát sinh nhiều cặp đăng ký kết hôn nhất là năm 2017 với 110 cặp đăng ký kết hôn, năm 2021 do dịch bệnh, hạn chế trong việc tổ chức ngày vui, ngày lễ nên phát sinh ít nhất với 62 cặp đăng ký kết hôn tại UBND xã. Cũng trong thời gian này, với nhiều lý do khác nhau, **có 48/877 cặp ly hôn**, đã được Tòa án nhân dân công nhận việc ly hôn.

2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, vướng mắc của Luật Hôn nhân và gia đình

2.1. Ưu điểm, tác động, vai trò của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

a) Ưu điểm của Luật:

Tôn trọng quyền bình đẳng giới và tự nguyện trong hôn nhân: Nguyên tắc “một vợ, một chồng”, tự do lựa chọn kết hôn trên nền bình đẳng, không bị ép buộc, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, niềm tin.

Cụ thể hóa quyền và nghĩa vụ: Quy định rõ ràng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ - con, quyền nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản, bảo vệ phụ nữ, trẻ em và những người yếu thế khác. Nâng cao địa vị pháp lý cho công việc nội trợ: Lần đầu coi công việc nội trợ là lao động có thu nhập thực sự khi giải quyết tranh chấp, góp phần bảo vệ và ghi nhận công sức của người nội trợ, đặc biệt là phụ nữ.

Áp dụng tập quán tốt đẹp của các dân tộc: Quy định về việc áp dụng tập quán nếu không trái luật, tôn trọng sự đa dạng văn hóa của Việt Nam.

Mở rộng đối tượng can thiệp bảo vệ quyền lợi: Thêm quyền cho cha mẹ, người thân yêu cầu giải quyết ly hôn trong trường hợp nạn nhân bị bạo lực gia đình, bệnh tâm thần...

Thừa nhận các quyền liên quan đến khoa học, kỹ thuật hiện đại: Hợp pháp hóa mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, giúp các cặp vợ chồng hiếm muộn có con, song vẫn kiểm soát chặt chẽ các trường hợp lạm dụng.

Quy định chặt chẽ về tài sản: Cho phép và công nhận thỏa thuận chế độ tài sản trước và sau hôn nhân; minh bạch hóa khối tài sản chung - riêng, giảm xung đột khi giải quyết tranh chấp.

b) Tác động của Luật:

Làm thay đổi nhận thức về quyền con người: Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng thật sự, tạo nền tảng pháp lý bền vững cho việc phát triển quyền con người trong quan hệ gia đình. Bảo vệ những nhóm yếu thế: Trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và cao tuổi ngày càng được bảo vệ tốt hơn cả về quyền lợi vật chất lẫn tinh thần.

Giảm tranh chấp, tăng hòa giải: Các quy định của Luật rõ ràng, cụ thể giúp Tòa án, cơ quan chức năng giải quyết ổn thỏa hàng loạt vụ vi phạm, từ đó giảm căng thẳng xã hội và các hệ lụy tiêu cực.

Hỗ trợ hội nhập quốc tế và thích nghi xã hội hiện đại: Luật thích ứng tốt với các yếu tố nước ngoài (không còn rào cản về quốc tịch, đa văn hóa), hỗ trợ bảo vệ quyền lợi trong các cuộc hôn nhân xuyên quốc gia.

Tăng tính minh bạch, rõ ràng về quyền, nghĩa vụ tài sản: Điều này rất cần thiết trong bối cảnh các gia đình ngày càng đa dạng nguồn lực tài chính, nghề nghiệp và sở hữu.

c) Vai trò của Luật:

Là Xương sống vững chắc cho pháp chế gia đình: Là “Luật gốc” chi phối toàn bộ các quan hệ hôn nhân, ly hôn, con cái, quan hệ tài sản trong gia đình, xử phạt vi phạm,... Bảo vệ chuẩn mực đạo đức xã hội, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc: Gắn kết hài hòa giữa chuẩn pháp lý với tập quán tốt đẹp, giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa gia đình Việt Nam. Làm nền tảng cho các chương trình, chiến lược gia đình của Nhà nước: Định hướng xây dựng chính sách giáo dục, phòng chống bạo lực, bảo vệ phụ nữ và trẻ em, các dịch vụ xã hội liên quan.

2.2. *Bất cập, vướng mắc trong quy định của Luật:*

a) Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong chính Luật hoặc giữa Luật với các văn bản quy phạm pháp luật khác:

Mâu thuẫn, chồng chéo trong nội bộ của Luật:

Mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định về việc chồng không được yêu cầu ly hôn khi vợ có thai, nuôi con nhỏ: Khoản 3, Điều 51 của Luật quy định: "Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi". Tuy nhiên, tình huống thực tế khi người vợ mang thai hoặc nuôi con nhỏ mà thai nhi hoặc đứa trẻ đó không phải là con của người chồng, hoặc người vợ ngoại tình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn. Trong trường hợp này, việc hạn chế quyền ly hôn của người chồng có thể dẫn đến sự bất công và không giải quyết triệt để mâu thuẫn. Điều này gây khó khăn cho người chồng trong việc chấm dứt một cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc

và có yếu tố vi phạm của người vợ, đồng thời không bảo vệ được quyền lợi chính đáng của người chồng trong những hoàn cảnh đặc biệt.

Mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định về xác định cha mẹ khi người yêu cầu chết: Điều 92 của Luật quy định: "Trong trường hợp có yêu cầu về việc xác định cha, mẹ, con mà người có yêu cầu chết thì người thân thích của người này có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ, con cho người yêu cầu đã chết". Tuy nhiên, việc xác định cha mẹ thường dựa vào các yếu tố huyết thống, khoa học pháp y (ADN). Nếu người yêu cầu đã chết, việc yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ, con cho người đã khuất gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ, lời khai, và đặc biệt là thu thập mẫu sinh học để phân tích. Như vậy, có thể dẫn đến các vụ án phức tạp, kéo dài, thậm chí không thể giải quyết dứt điểm do thiếu vắng người có quyền và nghĩa vụ trực tiếp.

Mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật với các văn bản quy phạm pháp luật khác:

Giữa Luật và Bộ luật Dân sự: Cả hai bộ luật đều có các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con cái, về tài sản chung, tài sản riêng, cấp dưỡng, giám hộ như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con cái được quy định tại Chương V của Luật và các quy định về quyền nhân thân của cha mẹ với con cái trong Bộ luật Dân sự. Tương tự, các quy định về tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng cũng được nhắc đến trong cả hai văn bản, dù Luật quy định chi tiết hơn về chế độ tài sản. Mặc dù Luật có hiệu lực cao hơn trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, việc có các quy định tương tự ở Bộ luật Dân sự đôi khi gây nhầm lẫn cho người dân và người thực thi pháp luật trong việc áp dụng văn bản nào là chính xác, đặc biệt trong các vụ án có tính chất phức hợp, liên quan cả vấn đề nhân thân và tài sản.

Giữa Luật và Bộ luật Tố tụng Dân sự: Luật quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, các quy trình cụ thể về thụ lý đơn, hòa giải, xét xử, kháng cáo... lại được quy định chi tiết trong Bộ luật Tố tụng Dân sự. Có những trường hợp quy định của hai luật chưa hoàn toàn đồng nhất hoặc cần làm rõ như Khoản 2, Điều 51 của Luật mở rộng quyền yêu cầu ly hôn cho cha mẹ, người thân thích trong trường hợp vợ, chồng bị bệnh tâm thần và là nạn nhân bạo lực gia đình. Tuy nhiên, thủ tục chứng minh bệnh tâm thần, năng lực hành vi dân sự và hành vi bạo lực gia đình là vấn đề phức tạp, chưa có quy định rõ ràng về loại tài liệu, chứng cứ cần nộp kèm đơn yêu cầu ly hôn, gây khó khăn cho Tòa án khi xử lý vụ án.

Giữa Luật và các văn bản chuyên ngành (Luật Hộ tịch, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Bảo vệ trẻ em): Các quy định về đăng ký kết hôn, ly hôn, nhận cha mẹ cho con, cấp dưỡng... có liên quan mật thiết đến Luật Hộ tịch. Luật cũng đề cập đến bạo lực gia đình, nhưng chi tiết hơn phải dựa vào Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Tương tự, việc bảo vệ trẻ em trong ly hôn, nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con cái cũng cần sự phối hợp với Luật Bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, các khái niệm, quy trình, thẩm quyền giữa các luật này chưa hoàn toàn khớp nhau, hoặc cách diễn đạt khác nhau, gây khó khăn trong việc áp dụng đồng

bộ. Điều này có thể dẫn đến sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan, thiếu sự thống nhất trong xử lý vụ việc, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

b) Quy định của Luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật:

Đối với quy định về hành vi bạo lực gia đình "ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần": Khoản 2, Điều 51 của Luật cho phép cha mẹ, người thân thích yêu cầu ly hôn khi một bên vợ, chồng là nạn nhân của bạo lực gia đình do người kia gây ra, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần. Tuy nhiên, các khái niệm "ảnh hưởng nghiêm trọng" vẫn còn mang tính định tính, chưa có tiêu chí cụ thể để đánh giá. Việc xác định mức độ "nghiêm trọng" sẽ phụ thuộc nhiều vào đánh giá chủ quan của cơ quan thụ lý, có thể dẫn đến sự không nhất quán trong xử lý vụ việc.

Đối với quy định về điều kiện "không thể nhận thức, làm chủ được hành vi": Tương tự, khi cha mẹ, người thân thích yêu cầu ly hôn thay cho người mất năng lực hành vi do bệnh tâm thần hoặc bệnh khác, điều kiện "không thể nhận thức, làm chủ được hành vi" cần được chứng minh. Tuy nhiên, việc diễn giải chính xác ngưỡng mất năng lực hành vi này đôi khi còn gây tranh cãi, nhất là khi bệnh không ở mức độ nặng nhất hoặc bệnh có tính chất dao động.

Đối với quy định về "người thân thích" có quyền yêu cầu ly hôn: Khoản 2, Điều 51 của Luật trao quyền cho "cha, mẹ, người thân thích khác" yêu cầu ly hôn. Khoản 19, Điều 3 của Luật giải thích "người thân thích" là "người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời". Phạm vi này rộng và có thể gây ra những cách hiểu khác nhau về đối tượng nào mới đủ tư cách pháp lý để thay mặt đương sự yêu cầu ly hôn. Trường hợp, khi có nhiều người thân thích cùng muốn yêu cầu ly hôn hoặc khi sự thân thích không rõ ràng, có thể phát sinh tranh chấp về thẩm quyền yêu cầu.

c) Quy định của Luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ, chưa có quy định hoặc có quy định nhưng chưa bảo đảm xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình tiên bộ, ấm no, hạnh phúc, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, gia đình Việt Nam:

Nhiều thủ tục pháp lý trong Luật đòi hỏi chi phí đáng kể, bao gồm:

Chi phí yêu cầu Tòa án giải quyết các tranh chấp như: Ly hôn, chia tài sản, xác định cha mẹ, con cái... đều tiềm ẩn các chi phí như án phí, lệ phí, chi phí giám định, chi phí thuê luật sư (nếu có). Đặc biệt, việc xác định cha, mẹ, con qua giám định ADN có thể tốn kém, gây khó khăn cho người có yêu cầu, nhất là khi người yêu cầu là người thân thích của người đã khuất.

Chi phí yêu cầu Tòa án xác định hoặc hạn chế quyền của cha mẹ: Việc khởi kiện để Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của cha mẹ, người thân, hoặc yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ đối với con cái đòi hỏi chi phí tố tụng không nhỏ.

Chi phí cho việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: Điều kiện quy định tại Khoản 2, 3, Điều 95 của Luật yêu cầu "xác nhận của tổ chức y tế có thẩm

quyền" và quá trình tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý. Chi phí cho các thủ tục này là không nhỏ, và việc tìm được "người thân thích cùng hàng" đáp ứng điều kiện mang thai hộ cũng không hề dễ dàng.

Hạn chế trong việc xây dựng và phát huy giá trị hôn nhân, gia đình:

Chưa thật sự bảo đảm xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, ấm no, hạnh phúc: Mặc dù Luật đã nhấn mạnh nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và nghĩa vụ chung thủy, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau (Điều 17, 19), nhưng trên thực tế, các vấn đề như bạo lực gia đình, ly hôn do mâu thuẫn tài chính, thiếu sự chia sẻ công việc nội trợ, ngoại tình... vẫn diễn ra phổ biến. Luật tuy quy định về các hành vi bị cấm (Điều 5) nhưng việc phòng ngừa và xử lý hiệu quả các hành vi này còn hạn chế như, việc chứng minh và xử lý bạo lực gia đình còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là bạo lực tinh thần; không có chế tài xử lý trực tiếp hành vi ngoại tình, mà chỉ coi đó là căn cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên (Điều 56); dù đã ghi nhận công sức lao động nội trợ là có thu nhập (Điều 16, Điều 59), nhưng việc thực thi trong thực tế để đảm bảo quyền lợi cho người nội trợ, đặc biệt khi ly hôn, vẫn còn nhiều bất cập.

Hạn chế trong việc kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam: Điều 7 của Luật cho phép áp dụng tập quán tốt đẹp nếu không trái với pháp luật, nhưng việc xác định và kiểm soát tập quán nào là "tốt đẹp" và không trái pháp luật còn phụ thuộc vào địa phương và người thực thi pháp luật. Có những tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng đến hôn nhân, gia đình như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số,.. Mặt khác, mặc dù có các quy định về nghĩa vụ giữa các thành viên gia đình (Chương VI, Chương VII), nhưng vai trò giáo dục, định hướng, nêu gương của gia đình, đặc biệt là của ông bà, cha mẹ, đôi khi bị lu mờ trước các yếu tố hiện đại, hoặc do sự thay đổi trong cấu trúc gia đình (gia đình hạt nhân, ly hôn, tái hôn). Luật chưa có quy định cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ việc giáo dục, định hướng xây dựng gia đình theo những giá trị truyền thống tốt đẹp.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật

a) Quy định về tài sản chung còn nhiều vướng mắc:

Khó khăn trong việc xác định nguồn gốc tài sản: Việc chứng minh tài sản nào là riêng, tài sản nào là chung, hoặc tài sản nào có nguồn gốc từ tài sản riêng nhưng đã nhập vào khối tài sản chung, thường rất khó khăn và đòi hỏi bằng chứng cụ thể.

Khó khăn trong việc thỏa thuận tài sản: Mặc dù được khuyến khích, nhưng không phải cặp vợ chồng nào cũng chủ động lập thỏa thuận chế độ tài sản, hoặc thỏa thuận đó có thể không lường hết các tình huống phát sinh trong tương lai.

Khó khăn trong việc xử lý tài sản chung khi thi hành án: Trường hợp một bên là người phải thi hành án, việc kê biên, xử lý tài sản chung với người khác (bao gồm cả vợ, chồng còn lại) còn nhiều bất cập. Nghị định 62/2015/NĐ-CP

hướng dẫn việc chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình, nhưng điều này lại mâu thuẫn với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật là tài sản chung chỉ có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án. Điều này cho thấy sự không đồng bộ giữa các văn bản pháp luật.

b) Quy định chưa chặt chẽ trong việc xác định cha, mẹ, con:

Luật đã đề cập đến việc xác định cha, mẹ, con, bao gồm cả trường hợp có tranh chấp, trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ. Tuy nhiên, các quy định về thủ tục, chứng cứ (đặc biệt là việc giám định ADN khi người liên quan đã mất) còn chung chung, thiếu chi tiết, dẫn đến việc thu thập mẫu, chứng minh quan hệ huyết thống khi người yêu cầu hoặc người liên quan đã qua đời là rất khó khăn. Các quy định về việc ai có quyền yêu cầu giám định, hoặc cách thức xử lý khi một bên từ chối giám định, cũng chưa được làm rõ.

c) Quy định về bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em và người yếu thế còn hạn chế:

Dù Luật đã có những tiến bộ, nhưng trên thực tế việc bảo vệ còn nhiều hạn chế. Các quy định về bạo lực gia đình, trách nhiệm cấp dưỡng, quyền nuôi con, quyền thăm nom con, hay việc cha, mẹ, người thân yêu cầu ly hôn khi nạn nhân bị bạo lực hoặc mất năng lực hành vi, còn gặp khó khăn trong khâu chứng minh và thực thi, cụ thể:

Việc chứng minh hành vi bạo lực, đặc biệt là bạo lực tinh thần, để đủ điều kiện cho cha mẹ, người thân yêu cầu ly hôn là rất khó.

Việc chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi con vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Việc đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ em khi cha mẹ ly hôn, quyền được biết nguồn gốc của mình, vẫn còn nhiều thách thức.

d) Sự chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác: Luật còn tồn tại một số mâu thuẫn, chồng chéo với Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Thi hành án Dân sự và các văn bản liên quan gây khó khăn cho việc áp dụng thống nhất, tạo kẽ hở pháp lý, khiến người dân và cả cơ quan chức năng lúng túng khi giải quyết các vụ việc.

2. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

a) Hạn chế trong tư duy lập pháp và quy định chưa theo kịp thực tiễn:

Chưa bao quát hết các tình huống: Luật được xây dựng dựa trên các quan sát chung về đời sống xã hội, nhưng chưa dự liệu hết các tình huống phát sinh phức tạp, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội biến đổi nhanh chóng (như các vấn đề liên quan đến công nghệ sinh sản, hôn nhân đồng giới ở nhiều quốc gia, biến đổi quan niệm về gia đình).

Quy định chung chung, định tính: Nhiều quy định còn mang tính nguyên tắc, định tính ("ảnh hưởng nghiêm trọng", "không thể nhận thức, làm chủ hành vi"), thiếu các tiêu chí định lượng, cụ thể dễ dàng áp dụng và chứng minh.

b) Năng lực, trình độ của người thi hành pháp luật còn hạn chế:

Đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật, Hộ tịch... cần có kiến thức chuyên sâu về cả về Luật và Luật tố tụng, cũng như kỹ năng xử lý các tình huống thực tế phức tạp. Tuy nhiên, khối lượng công việc của công chức tư pháp phụ trách tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã chưa có nghiệp vụ chuyên sâu, phải kiêm nhiệm quá nhiều lĩnh vực chuyên môn dẫn đến việc cập nhật kiến thức chưa kịp thời, kinh nghiệm dẫn đến hiểu sai quy định, hoặc áp dụng một cách cứng nhắc, không linh hoạt khi xử lý các vụ việc.

c) Hạn chế về nguồn lực (tài chính, con người, cơ sở vật chất):

Việc thực thi các quy định của Luật đòi hỏi nguồn lực đáng kể, từ việc tổ chức các buổi tuyên truyền, tư vấn pháp luật, đến việc trang bị các thiết bị, hỗ trợ kinh phí cho các vụ án phức tạp,... Tuy nhiên, nguồn lực này còn hạn chế, đặc biệt là ở xã; việc thiếu nguồn lực ảnh hưởng đến khả năng giải quyết các vụ việc một cách nhanh chóng, chính xác và bảo vệ đầy đủ quyền lợi cho người dân.

d) Nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế:

Một số người dân còn có nhận thức hạn chế, nhất là về pháp luật hôn nhân và gia đình, hoặc có xu hướng giải quyết mâu thuẫn theo cách truyền thống, dựa vào tập quán thay vì dựa vào quy định pháp luật. Ý thức tuân thủ pháp luật, đặc biệt là các nghĩa vụ tài chính (cấp dưỡng), hoặc tham gia vào các thủ tục pháp lý, còn yếu tạo ra những khó khăn trong việc áp dụng pháp luật.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN

1. Sự gia tăng của các hình thức quan hệ gia đình phi truyền thống

Hôn nhân và chung sống giữa người cùng giới tính: Mặc dù Luật không công nhận hôn nhân giữa người cùng giới tính nhưng đã bãi bỏ quy định xử phạt hành chính đối với việc tổ chức lễ cưới và chung sống của họ. Thực tiễn cho thấy, các cặp đôi này có nhu cầu và mong muốn được công nhận pháp lý về các quan hệ tài sản, con cái, thừa kế...

Cha mẹ đơn thân, gia đình "tái cấu trúc": Do ly hôn, ly thân hoặc kết hôn không đăng ký, ngày càng nhiều gia đình có một cha hoặc một mẹ nuôi con, hoặc các gia đình "tái cấu trúc" với cha dượng - mẹ kế, con riêng. Điều này đặt ra các vấn đề về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con riêng, quan hệ giữa cha dượng, mẹ kế với con riêng, cũng như các tranh chấp về tài sản khi gia đình mới hình thành.

Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài phức tạp: Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, kéo theo sự gia tăng các trường hợp kết hôn, chung

sống, ly hôn với người nước ngoài, hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Điều này phát sinh các vấn đề về xác định luật áp dụng, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, việc công nhận bản án, quyết định ly hôn của nước ngoài, vấn đề quốc tịch, bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Sự phát triển của công nghệ hỗ trợ sinh sản và các vấn đề pháp lý liên quan

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: Luật đã có quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, tuy nhiên, việc triển khai thực tế còn đối mặt với nhiều thách thức như việc xác định đối tượng được mang thai hộ, thủ tục pháp lý, các vấn đề y tế, đạo đức, cũng như việc xử lý các trường hợp mang thai hộ vì mục đích thương mại hoặc các giao dịch ngầm.

Các phương pháp hỗ trợ sinh sản khác như: Việc thụ tinh trong ống nghiệm (IVF), xin phôi... đặt ra các câu hỏi về xác định cha mẹ, nguồn gốc của đứa trẻ, quyền của người cho, tặng, cũng như quyền của đứa trẻ được biết về nguồn gốc sinh học của mình.

3. Hôn nhân thực tế và các hệ lụy pháp lý

Theo tập quán hoặc do thiếu hiểu biết pháp luật, nhiều cặp đôi chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Luật không công nhận những quan hệ này là vợ chồng, nhưng vẫn có quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ và con cái, dựa trên nguyên tắc "thực tế hôn nhân".

Việc xác định "hôn nhân thực tế" và giải quyết các vấn đề về tài sản, con cái trong những trường hợp này còn gặp nhiều khó khăn do thiếu các tiêu chí rõ ràng và bằng chứng cụ thể, dẫn đến nhiều tranh chấp phức tạp khi ly hôn.

4. Vấn đề ly thân và sự thiếu vắng chế định pháp lý rõ ràng

Thực tế cho thấy, nhiều cặp vợ chồng tuy không còn chung sống nhưng chưa ly hôn chính thức. Hiện tượng ly thân này không được pháp luật Việt Nam quy định thành một chế định độc lập, gây khó khăn trong việc xác định tình trạng hôn nhân, giải quyết các giao dịch dân sự, tài sản, cũng như bảo vệ quyền lợi của các bên và con cái trong giai đoạn này. Vấn đề này cần nghiên cứu ghi nhận chế định ly thân trong Luật để bảo vệ tốt hơn quyền lợi các thành viên gia đình và minh bạch hóa các giao dịch.

5. Chênh lệch về quan điểm, lối sống, ảnh hưởng của yếu tố kinh tế và xã hội

Tỷ lệ ly hôn ngày càng tăng, đặc biệt ở các cặp vợ chồng trẻ. Nguyên nhân phổ biến là do bất đồng quan điểm, lối sống, áp lực kinh tế, thiếu sự chia sẻ, hoặc vấn đề ngoại tình. Bên cạnh việc xử lý các vấn đề phát sinh, Luật cần có những quy định mang tính phòng ngừa, giáo dục, và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, phù hợp với sự phát triển của xã hội.

V. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐỂ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, VƯƠN MẮC, BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH, HOÀN THIỆN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật

Cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật theo hướng:

Cụ thể hóa các quy định: Cần có các văn bản hướng dẫn chi tiết hơn về các vấn đề mới như mang thai hộ, xác định cha mẹ khi người liên quan đã mất, hôn nhân thực tế, ly thân, bạo lực gia đình..

Mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật: Nghiên cứu khả năng công nhận hoặc có những quy định pháp lý phù hợp hơn cho các quan hệ gia đình phi truyền thống, như hôn nhân, chung sống của người cùng giới, để bảo vệ quyền lợi của họ.

Điều chỉnh các quy định chưa phù hợp: Xem xét lại các quy định còn cứng nhắc, bất hợp lý như hạn chế quyền ly hôn của chồng khi vợ có thai, nuôi con nhỏ, để phù hợp hơn với thực tiễn.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn pháp luật

Nâng cao nhận thức: Phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình, đặc biệt là các quy định mới và các vấn đề pháp lý phát sinh, để người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình.

Hỗ trợ pháp lý: Cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý hiệu quả, miễn phí hoặc chi phí thấp, giúp người dân giải quyết các vấn đề gia đình một cách pháp lý.

3. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình

Tư vấn tâm lý, hòa giải: Khuyến khích và hỗ trợ các trung tâm tư vấn tâm lý, hòa giải gia đình hoạt động hiệu quả để giúp các cặp vợ chồng giải quyết mâu thuẫn trước khi phát sinh các tranh chấp pháp lý nghiêm trọng.

Hỗ trợ các gia đình yếu thế: Có các chính sách hỗ trợ phù hợp cho các gia đình đơn thân, gia đình có người thuộc diện chính sách, người cao tuổi, người khuyết tật trong gia đình.

Phối hợp liên ngành: Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, y tế, lao động - thương binh và xã hội, hội phụ nữ,... trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hôn nhân và gia đình.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân xã Bằng Mạc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- MTTQVN xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng VH-XH xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, HTV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vương Văn Sơn

